

V/v Mời quan tâm cung cấp báo giá, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (Công ty) gửi tới Quý các đơn vị quan tâm lời chào trân trọng và hợp tác.

Hiện nay, Công ty đang có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động SXKD của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh với chủng loại, số lượng theo phụ lục chi tiết kèm theo.

Bằng văn bản này, Công ty xin thông báo và mời các đơn vị quan tâm cung cấp báo giá theo mẫu tại Phụ lục chi tiết kèm theo. Để phục vụ công việc, báo giá thể hiện rõ, đầy đủ các nội dung sau:

- Hiệu lực của báo giá.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ.
- Đơn giá và các chi phí liên quan đến việc giao hàng tại Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh (như thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển ...).
- Trong trường hợp model của hàng hóa tại Phụ lục chi tiết kèm theo đã ngừng sản xuất và thay thế bằng model tương đương hoặc tốt hơn. Đề nghị đơn vị cung cấp thông tin thay thế của Nhà sản xuất và báo giá theo model đã được thay thế.

Tài liệu báo giá xin gửi về Phòng KHVT – Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh – Tô 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 02033.657539 - Fax: 02033.657540 hoặc qua Gmail: kehoachvattu.ndqn@gmail.com.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Công ty (IT t/hiện);
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Dũng

Phụ lục

(kèm theo Công văn số

/NĐQN-KHVT ngày/...../2026)

BÁO GIÁ

.....,Ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Địa chỉ: Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Sau khi xem xét, Công ty..... xin gửi tới Quý khách hàng báo giá cung cấp vật tư, thiết bị theo bảng dưới đây:

Hiệu lực báo giá: ngày;

Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;

Tiến độ cung cấp: Trong vòng ngày kể từ ngày có xác nhận đặt hàng.

STT	Tên VT	Thông số Kỹ thuật	Túy mã mã	Nhà sx	Túy mã mã (Nhà thầu đề xuất trong trường hợp có model thay thế)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (trước VAT)	Thành tiền (trước VAT)
1	Máy photocopy	Bảng điều khiển hồ màn hình trợ cảm ứng, Dung lượng bộ nhớ (RAM): 4GB (Tối đa 4GB), Dung lượng ổ cứng (HDD): 160GB hoặc lớn hơn (Khả dụng: 128GB), Công suất màu: Màu sắc đầy đủ, Thời gian khởi động: 36 giây hoặc ít hơn nếu nguồn điện bật (nhiệt độ phòng là 20°C). Khổ giấy bản gốc: Tối đa 297 x 432 mm (A3, 11 x 17") cho cả tờ bản in và sách. Khổ giấy in ra: Tối đa: SRA3 (320 x 450 mm), 12 x 18" (305 x 457 mm), A3 [12 x 19" (305 x 483 mm) khi sử dụng khay tay; Tối thiểu: A5, Khay tay :	DocuCentre-VI C4471			máy	1		

Bưu thiệp và Phong bì Quadrate NO.3 (120 x 235 mm); Chiều rộng mặt hình: Cạnh trên 4 mm hoặc ít hơn, cạnh dưới 2 mm hoặc ít hơn, và phải & trái 2 mm hoặc ít hơn. Định lượng giấy khay 1,2,3,4: 52-300 gsm; Định lượng giấy khay tay: 52-300 gsm; Dung lượng khay giấy (80 gsm): Chuẩn: 500 tờ x 2 khay + 867 tờ + 1133 tờ + khay tay 90 tờ / 4 khay: 500 tờ x 4 khay + khay tay 90 tờ; Tùy chọn: HCF B1: 2030 tờ; Tối đa: 5120 tờ (TTM + HCF B1); Sức chứa của khay giấy ra: 250 tờ (A4 LEF), , 125 tờ (A3); Nguồn điện: AC220 – 240V ± 10%, 10A, Thông thường là 50/60 Hz; Mức tiêu thụ điện: 2,2 kW hoặc ít hơn (AC220V ± 10%) / 2,4 kW hoặc ít hơn (AC240V ± 10%); Chế độ nghỉ: 1,3 W hoặc ít hơn; Chế độ chờ : 56W hoặc ít hơn; Kích thước: Rộng 640 x Dài 699 x Cao 1128 mm; Trọng lượng tương ứng: 132 -156 kg (không bao gồm hộp mực và khay giấy ra); Sao chụp: Độ phân giải khi in: 1200 x 2400 dpi; Tốc độ sao chụp liên tục: B5/A4 LEF: 45 trang/phút A3:35 22 trang/phút. Ghi chú: Tốc độ có thể bị giảm do điều chỉnh chất lượng ảnh hoặc do thuộc tính của tài liệu. Thời gian cho ra bản sao chụp đầu tiên: (C7771 – C6671 – C5571 – C4471 – C3371 – C3370 – C2271). Trắng đen : 4.4 giây; Màu : 5.7 giây; In: Tốc độ in liên tục: tương đương như tốc độ sao chụp liên tục; Độ phân giải khi in: 600dpi x 600dpi, 1200 x 1200 dpi, 1200 x 2400 dpi; Ngôn ngữ in: Chuẩn: PCL5, PCL6; Tùy chọn: Adobe PostScript 3; Hệ điều hành: Windows, Mac OS; Giao diện: Chuẩn: Ethernet 1000BASE-T / 100BASE-TX / 10BASE-T, USB3.0; Scan: Độ phân giải khi scan: 600 x 600 dpi, 400 x 400 dpi, 300 x 300 dpi, 200 x 200 dpi; Tốc độ scan: Trắng đen: 80 bản/phút; Màu: 80 bản/phút; Giao diện: Chuẩn: Ethernet 1000BASE-T / 100BASE-TX / 10BASE-T, USB3.0; Phụ kiện

